

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực dược có trình độ đại học và trên đại học nhằm đảm bảo cho các cơ quan QLNN về dược, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ bảo quản thuốc, giám sát kiểm tra chất lượng thuốc đủ nhu cầu cán bộ dược chuyên trách và có cơ cấu trình độ chuyên môn hợp lý;

- Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn quốc tế GMP-WHO;

- Nghiên cứu, chọn lọc, kế thừa những bài thuốc gia truyền có hiệu quả điều trị và giá trị kinh tế cao đưa vào sản xuất ở qui mô công nghiệp;

- Qui hoạch vùng nuôi trồng, bảo tồn và triển khai nuôi trồng phát triển những cây thuốc quý, để tạo nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp bào chế thuốc từ dược liệu và thuốc y học cổ truyền trở thành một phần quan trọng của ngành dược tỉnh Phú Thọ;

- Trung tâm kiểm nghiệm thuốc đạt tiêu chuẩn GLP quốc tế, đảm bảo đủ năng lực kiểm tra, giám sát tất cả các thuốc lưu hành trên thị trường;

- Nâng cấp Trường Cao đẳng dược Phú Thọ thành Trường Đại học Dược;

- Hệ thống kho tồn trữ, bảo quản thuốc các Bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm YTDP tỉnh, các bệnh viện tuyến huyện, các Trung tâm y tế tỉnh và huyện làm nhiệm vụ dịch vụ cung ứng thuốc đạt tiêu chuẩn GSP quốc tế;

- Các doanh nghiệp kinh doanh lưu thông phân phối thuốc đạt tiêu chuẩn GDP quốc tế;

- Các cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn GPP quốc tế;

- Đẩy mạnh công tác sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả, áp dụng đúng nguyên tắc “Thực hành tốt kê đơn thuốc”.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu.

1. Nhiệm vụ chủ yếu:

1.1. Nâng cao năng lực cơ quan QLNN về lĩnh vực dược.

Kiên toàn tổ chức, bộ máy QLNN về dược, tăng cường năng lực hoạt động của Phòng nghiệp vụ dược, Phòng Quản lý hành nghề y- dược tư nhân, Thanh tra Sở Y tế và Phòng Y tế các huyện, thị, thành. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân lực dược trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc và trong các đơn vị sự nghiệp y tế.

1.2. Phát triển công nghiệp dược.

- Thu hút đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn quốc tế GMP-WHO, đi vào sản xuất cuối năm 2015 nhằm chủ động đáp ứng một phần nhu cầu sử dụng thuốc của nhân dân trên địa bàn tỉnh và trong cả nước;

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Đề án “ Nuôi trồng và phát triển cây thuốc tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2003-2010” đã được UBND tỉnh phê duyệt, qui

hoạch vùng nuôi trồng, bảo tồn cây thuốc quý; và chế biến dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP, bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho các cơ sở chế biến sản xuất thuốc Đông, Nam dược trong tỉnh và tiến tới xuất khẩu.

1.3. Xây dựng hệ thống phân phối, cung ứng thuốc.

Từng bước hiện đại hoá và tổ chức sắp xếp lại hệ thống phân phối, hệ thống kinh doanh bán lẻ thuốc thông qua việc triển khai áp dụng các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt về dược, cụ thể:

- Đến hết năm 2010 các doanh nghiệp kinh doanh lưu thông phân phối thuốc đạt tiêu chuẩn GDP; các Nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP;

- Đến hết năm 2012 các Quầy thuốc đạt tiêu chuẩn GPP;

- Đối với Đại lý bán thuốc, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc từ dược liệu, khuyến khích các cơ sở có đủ điều kiện đến đầu năm 2013 đạt tiêu chuẩn GPP và đến đầu năm 2015 tất cả đều đạt tiêu chuẩn GPP (Trừ một số nội dung không bắt buộc theo hướng dẫn của Bộ Y tế nêu trong khoản 3, mục I, chương III của Quyết định số 11/2007/QĐ-BYT ngày 24/01/2007 về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc”.

1.4. Đảm bảo chất lượng thuốc.

- Nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP quốc tế vào cuối năm 2011;

- Xây dựng hệ thống kho tồn trữ, bảo quản thuốc ở các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đạt tiêu chuẩn GSP vào đầu năm 2012 và ở các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện đạt tiêu chuẩn GSP vào cuối năm 2013;

- Đến hết năm 2015, xây dựng cơ sở bảo quản, tồn trữ thuốc các Trung tâm y tế hệ dự phòng tuyến tỉnh và trung tâm y tế huyện đạt tiêu chuẩn GSP.

1.5. Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.

- Kiện toàn nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị, đơn vị thông tin thuốc trong các bệnh viện trên địa bàn toàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác kê đơn, sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả trong các cơ sở khám chữa bệnh công lập, ngoài công lập và tại cộng đồng;

- Đến năm 2011, các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, huyện rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh các phác đồ điều trị chuẩn đối với các bệnh thường gặp trên cơ sở phù hợp với tuyến kỹ thuật và tiến bộ khoa học kỹ thuật y - dược tiên tiến, hiện đại.

2. Các nhóm giải pháp thực hiện chủ yếu:

2.1. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu lực quản lý các hoạt động về dược và mỹ phẩm.

- Tăng cường, chủ động và phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan QLNN trong việc thanh, kiểm tra các hoạt động về dược phẩm, mỹ phẩm. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo qui định của pháp luật.

- Tăng cường sự QLNN trong việc bảo vệ, bảo tồn, phát triển, khai thác, thu mua, chế biến, buôn bán dược liệu và các chế phẩm từ dược liệu;

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan QLNN trong việc quản lý, hậu kiểm đối với công tác thông tin, quảng cáo thuốc, mỹ phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đảm bảo cho người dân được thông tin chính xác về thuốc, hạn chế tối đa những quảng cáo thuốc chưa có hoặc không đúng với hồ sơ đăng ký quảng cáo thuốc với Bộ Y tế;

- Tăng cường công tác truyền thông và giáo dục nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả. Đẩy mạnh tuyên truyền về chất lượng và sử dụng thuốc sản xuất trong nước, khắc phục tâm lý chuộng thuốc ngoại, biệt dược trong các cơ sở khám chữa bệnh và tại cộng đồng;

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động đơn vị thông tin thuốc trong bệnh viện, phổ biến kiến thức sử dụng thuốc hợp lý, an toàn cho người bệnh bằng nhiều hình thức, như trực tiếp tổ chức sinh hoạt hội đồng người bệnh trong bệnh viện, hoặc trực tiếp thông qua công tác khám bệnh, kê đơn thuốc điều trị ngoại trú cho người bệnh ở các cơ sở khám chữa bệnh,...

- Thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm qui chế sử dụng thuốc trong bệnh viện, qui chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú, đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc “Thực hành tốt kê đơn thuốc”. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị trong các bệnh viện. Thực hiện tốt chế độ bình xét bệnh án, đơn thuốc, điều chỉnh kịp thời các sai sót trong chẩn đoán, chỉ định và thực hiện y lệnh trong điều trị. Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục thuốc thiết yếu, danh mục thuốc chủ yếu dùng trong bệnh viện, đảm bảo phù hợp với mô hình bệnh tật, trình độ chuyên môn người sử dụng và theo đúng phân hạng bệnh viện;

- Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và thế giới trong việc cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu về công tác quản lý, thu thập thông tin và chia sẻ kinh nghiệm quản lý;

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về dược thuộc các lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh, nuôi trồng, khai thác, chế biến dược liệu, bảo quản, sử dụng thuốc...kế thừa, chọn lọc các bài thuốc y học cổ truyền có giá trị đưa vào sản xuất ở qui mô công nghiệp hiện đại;

2.2. Nhóm giải pháp về kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Rà soát, sắp xếp tổ chức dược của các bệnh viện, các trung tâm y tế trên cơ sở phù hợp với nhiệm vụ của từng đơn vị và đảm bảo đủ năng lực hoạt động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, đặc biệt trong việc triển khai áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn GSP;

- Rà soát, phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp cho các thành viên Hội đồng thuốc và điều trị, Đơn vị thông tin thuốc trong các bệnh viện nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn cho việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, có hiệu quả;

- Rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của các doanh nghiệp SXKD thuốc để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện đúng các yêu cầu trong việc áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP, GDP, GSP, GPP, GLP;

- Đi đôi với việc phát triển cần chú ý rà soát, sắp xếp lại hệ thống kinh doanh bán lẻ thuốc thông qua việc triển khai thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt về dược, nhằm đảm bảo cho hệ thống bán lẻ ngày một hiện đại và được phân bố hợp lý, cung ứng đủ thuốc thiết yếu góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại cộng đồng;

- Thường xuyên củng cố, chấn chỉnh các hoạt động đối với các tổ chức hội nghề nghiệp (Hội Dược, Hội Đông y...) đảm bảo cho các hoạt động của hội theo đúng Điều lệ và các qui định của pháp luật, tạo điều kiện để các tổ chức hội tham gia phối hợp với các cơ quan QLNN trong việc quản lý hành nghề của hội viên;

- Phát triển, đổi mới nội dung phương pháp dạy-học, nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ dược của các trường đào tạo dược trong tỉnh;

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu “ Đề án phát triển nhân lực y tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020” (ban hành theo QĐ số 1781/QĐ-UBND ngày 03/7/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ);

- Tăng cường, khuyến khích, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực dược có trình độ đại học và trên đại học bổ sung cho nhu cầu các đơn vị tuyển tỉnh, huyện, các doanh nghiệp SXKD thuốc; đào tạo DSTH cho tuyển y tế cơ sở; đào tạo Dược sỹ lâm sàng cho các bệnh viện; đào tạo cán bộ dược cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn. Song song với đào tạo, tiến hành rà soát, điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại nguồn nhân lực dược một cách hợp lý, nhằm nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả các hoạt động; đồng thời từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối về cơ cấu đội ngũ cán bộ dược trong các đơn vị;

- Định kỳ tổ chức mở các lớp đào tạo, đào tạo lại, tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y, dược trong các cơ quan QLNN (chú trọng ở cấp huyện), các đơn vị SXKD thuốc và các đơn vị sự nghiệp y tế, các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập.

2.3. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý dược phẩm, mỹ phẩm theo thẩm quyền;

- Xây dựng ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho việc đào tạo, thu hút nguồn nhân lực dược có trình độ đại học và trên đại học đáp ứng nhu cầu của các đơn vị QLNN;

- Xây dựng ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các hoạt động phát triển nuôi trồng cây thuốc và sản xuất thuốc tân dược, Đông, Nam dược;

- Xây dựng chính sách thu hút và khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia một cách hiệu quả vào mạng lưới cung ứng thuốc và thực hiện nhiệm vụ công ích theo đúng quy định của Nhà nước, đặc biệt chú ý tới hệ thống bán lẻ ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi;

- Xây dựng chính sách ưu đãi lãi xuất vốn vay cho các Trường đào tạo dược, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc trong việc đầu tư nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc hiện đại, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới, triển khai áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP, GSP, GLP, GDP, GACP;

- Có cơ chế chính sách bảo hộ, khuyến khích nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng xen kẽ với nuôi trồng phát triển cây thuốc quý, có giá trị kinh tế cao phù hợp với qui mô, điều kiện từng vùng.

2.4. Nhóm giải pháp về đầu tư nguồn lực tài chính.

- Đẩy mạnh xã hội hoá việc huy động và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn. Đầu tư có trọng điểm, sắp xếp thứ tự ưu tiên để đầu tư, triển khai thực hiện dứt điểm cho từng hạng mục. Trong xây dựng cơ sở hạ tầng, cần xem xét cụ thể từng trường hợp để kết hợp giữa cải tạo nâng cấp với xây mới nhằm tiết kiệm tài chính, đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian xây dựng;

- Nguồn vốn ngân sách Nhà nước tập trung đầu tư cho công tác xây dựng hệ thống kho tồn trữ, bảo quản thuốc của các cơ sở y tế công lập đạt tiêu chuẩn GSP và cơ quan kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc đạt tiêu chuẩn GLP; nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và phát triển vùng nuôi trồng dược liệu tập trung, đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở y tế công lập và cơ quan QLNN về dược ở tuyến tỉnh và huyện;

- Các cơ sở đào tạo nhân lực dược ngoài công lập, chủ động huy động nguồn lực tài chính để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo nhân lực dược trong tình hình mới;

- Các DN, các sở kinh doanh bán lẻ thuốc của DN và hộ kinh doanh cá thể chủ động đầu tư vốn để triển khai áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, GDP, GPP trên cơ sở phù hợp với từng loại hình hoạt động nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng lộ trình qui định. Trong lĩnh vực sản xuất thuốc cần tập trung đầu tư vốn cho công tác nghiên cứu, áp dụng, chuyển giao, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới, hiện đại vào sản xuất giữa các nhà doanh nghiệp với các nhà khoa học trong nước hoặc mua bằng phát minh, sáng chế, mua công nghệ nước ngoài, hợp tác liên doanh...;

- Chú trọng đầu tư tài chính để không ngừng tiêu chuẩn hoá cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện bảo quản, vận chuyển để nâng cao chất lượng sản phẩm trong tồn trữ bảo quản, lưu thông phân phối và trong cấp phát lẻ;

Tổng kinh phí dự toán triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ngành dược tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010-2015” là 1.225,18 tỷ đồng VN, Trong đó nguồn NSNN đảm bảo 157,39 tỷ đồng VN; các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể tự đảm bảo 1.067,79 tỷ đồng VN (có phụ lục chi tiết kèm theo).

III. Lộ trình thực hiện.

1. Giai đoạn từ năm 2010 đến hết năm 2012.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực cơ quan QLNN về dược cấp tỉnh và huyện; đến tháng 12/2012 đảm bảo 25% số huyện, thị, thành có cán bộ là DSDH trong biên chế của Phòng y tế;

- Xây dựng kế hoạch và từ năm 2011 trở đi tập trung đào tạo nguồn nhân lực dược có trình độ đại học và trên đại học để bổ sung nhu cầu nhân lực của các đơn vị;

- Đến năm 2012, xác định, lựa chọn dược các cây thuốc quý và qui hoạch xong diện tích đất, khoanh vùng nuôi trồng phát triển cây thuốc;

- Nâng cấp trường Cao đẳng dược Phú Thọ lên Trường Đại học Dược Phú Thọ vào năm 2012;

- Xây dựng, nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP vào năm 2011;

- Xây dựng hệ thống kho tồn trữ bảo quản thuốc của các Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đạt tiêu chuẩn GSP vào năm 2012;

- Kể từ ngày 01/01/2011 các DNKD thuốc đạt tiêu chuẩn GDP; các cơ sở bán lẻ thuốc thuộc loại hình Nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP;

- Kể từ ngày 01/01/2012, các cơ sở bán lẻ thuốc thuộc loại hình Quầy thuốc đạt tiêu chuẩn GPP;

- Đến tháng 12 năm 2010, tất cả các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, huyện kiện toàn xong Hội đồng thuốc và điều trị; đơn vị thông tin thuốc theo đúng qui định, hướng dẫn hiện hành của Bộ Y tế.

2. Giai đoạn từ năm 2013 đến hết năm 2015.

- Tiếp tục kiện toàn nâng cao năng lực, chất lượng cơ quan QLNN về dược, ở các cấp, chú trọng cấp huyện; đến tháng 12/2015 đảm bảo 50% số huyện, thị, thành có cán bộ là DSDH trong biên chế của Phòng y tế;

- Triển khai nuôi trồng, phát triển cây thuốc quý đã lựa chọn theo qui mô tập trung trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của từng loại cây thuốc và điều kiện thực tế về thổ nhưỡng, khí hậu từng vùng đã được xác định;

- Tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ dược có trình độ đại học và trên đại học để bổ sung đủ cho nhu cầu nhân lực của các đơn vị;
- Xây dựng hệ thống kho tồn trữ bảo quản thuốc các Bệnh viện tuyến huyện đạt tiêu chuẩn GSP vào năm 2013, các đơn vị y tế hệ dự phòng tuyến tỉnh và Trung tâm y tế huyện đạt tiêu chuẩn GSP vào năm 2015;
- Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn quốc tế GMP- WHO, đi vào sản xuất cuối năm 2015;
- Kể từ ngày 01/01/2015, các cơ sở bán lẻ thuốc thuộc loại hình Đại lý và Tủ thuốc Trạm Y tế xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn GPP;
- Các doanh nghiệp phân phối thuốc đạt tiêu chuẩn GDP và các cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn GPP tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn để đảm bảo phù hợp với tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế trong giai đoạn này;
- Các bệnh viện tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị; đơn vị thông tin thuốc.

IV. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh các biện pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả các nội dung Đề án theo quy định của Pháp luật và thực tế của địa phương..

2. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Y tế, UBND các huyện, thị, thành nghiên cứu, trình UBND tỉnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan QLNN về dược phẩm, mỹ phẩm; qui hoạch, đào tạo, thu hút, tuyển dụng, sắp xếp, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực dược một cách hợp lý, có hiệu quả.

3. Sở Công thương:

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban ngành liên quan xây dựng các dự án quy hoạch, kế hoạch cụ thể về phát triển công nghiệp sản xuất thuốc và tăng cường phối hợp kiểm tra phòng chống thuốc giả, thuốc nhập lậu, kinh doanh thuốc bất hợp pháp; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan xây dựng dự toán, kế hoạch phân bổ kinh phí và huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện các mục tiêu của Đề án; Tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách về tài chính tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy quá trình xã hội hoá phát triển ngành dược.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính tham mưu, trình UBND tỉnh kế hoạch vốn đầu tư cho lĩnh vực dược đối với các đơn vị y tế công lập thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh; thực hiện các chính sách ưu đãi, tái đầu tư cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc đáp ứng nhu cầu công tác CSBVSKND trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành Dược trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, kiểm nghiệm, tồn trữ bảo quản và sử dụng thuốc, mỹ phẩm hợp lý, an toàn, hiệu quả.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban ngành liên quan trong việc triển khai, hướng dẫn thực hiện và bố trí kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học thuộc lĩnh vực dược.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành, thị tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu Đề án “Nuôi trồng và phát triển cây thuốc tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2003-2010” đã được UBND tỉnh phê duyệt, góp phần thực hiện thành công Đề án Phát triển ngành Dược.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Căn cứ vào qui hoạch sử dụng đất của tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành, thị để qui hoạch cụ thể diện tích đất, vùng nuôi trồng bảo tồn, phát triển cây thuốc nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu Đề án “ Nuôi trồng và phát triển cây thuốc tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2003-2010” đã được UBND tỉnh phê duyệt, góp phần thực hiện thành công Đề án Phát triển ngành Dược; Qui hoạch, bố trí diện tích đất xây dựng nhà máy sản xuất thuốc và phát triển mạng lưới kinh doanh thuốc và trường đào tạo dược.

9. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Sở Y tế hậu kiểm đối với Thông tin - Quảng cáo thuốc, đảm bảo cho nhân dân tiếp cận thông tin chính xác về thuốc. Hạn chế tối đa những quảng cáo thuốc chưa có hoặc không đúng với hồ sơ đăng ký quảng cáo thuốc với Bộ Y tế.

10. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ:

Phối hợp với Sở Y tế tăng cường công tác truyền thông và giáo dục để nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng hợp lý, an toàn về thuốc, mỹ phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng qui định của pháp luật.

11. Công an tỉnh:

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Công thương trong việc kiểm tra phòng chống thuốc giả, thuốc nhập lậu, kinh doanh thuốc bất hợp pháp; kinh doanh, tàng trữ, sử dụng thuốc gây

nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc không nhằm mục đích y học, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo qui định của pháp luật; Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban ngành liên quan, thẩm định, trao đổi cung cấp thông tin cần thiết trong lĩnh vực hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực dược.

12. UBND các huyện, thành, thị:

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đã được phân công trong Đề án “ Nuôi trồng và phát triển cây thuốc tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2003-2010”; Phối hợp với Sở Y tế, Sở Nội vụ trong việc kiện toàn tổ chức Phòng Y tế, xây dựng chức năng nhiệm vụ, mối quan hệ phối hợp trong công tác quản lý nhà nước giữa cấp và ngành, nhằm tăng cường hiệu lực, nâng cao chất lượng, hiệu quả QLNN về dược phẩm, mỹ phẩm trên địa bàn.

13. Trường Cao đẳng dược:

Tiếp tục kiện toàn, củng cố, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phương tiện dạy, học; nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ giáo viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo yêu cầu, hoàn thiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Trường Đại học Dược trên cơ sở nâng cấp Trường cao đẳng dược.

14. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc:

Quản triệt các nội dung Đề án, chủ động đầu tư các nguồn lực tài chính, nhân lực để triển khai xây dựng cơ sở vật chất, lắp đặt trang thiết bị, đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt về dược theo đúng qui định của ngành y tế và mục tiêu nhiệm vụ, lộ trình được xác định trong Đề án này.

15. Hội dược học, Hội Đông y tỉnh Phú Thọ:

Phối hợp với Sở Y tế trong việc tuyên truyền, phổ biến, vận động các hội viên chấp hành nghiêm các qui định của pháp luật, qui chế chuyên môn có liên quan trong quá trình hành nghề; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trong việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công tác CSBVSKND trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ tư KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Đề án được thực hiện sẽ tạo bước chuyển biến cơ bản về chất và lượng, đảm bảo cho ngành dược tỉnh Phú Thọ có một chính sách, đường lối phát triển đúng hướng, đồng bộ, toàn diện, phù hợp với xu hướng phát triển chung của cả nước và giữ vững sự ổn định, phát triển mạnh, bền vững trên các lĩnh vực hoạt động:

- Hiệu lực QLNN về dược phẩm, mỹ phẩm được tăng cường, chất lượng và hiệu quả không ngừng được nâng cao, đảm bảo cho các hoạt động dược, mỹ phẩm đi vào nề nếp, kỷ cương pháp luật nhà nước;

- Công tác đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả trong các cơ sở khám chữa bệnh và tại cộng đồng dân cư được đẩy mạnh, chất lượng, hiệu quả điều trị ngày một nâng cao;

- Công nghiệp sản xuất thuốc trong tỉnh phát triển và trở thành cơ sở kinh tế mũi nhọn và vì lợi ích sức khoẻ nhân dân, vì lợi ích kinh tế của tỉnh, góp phần cùng với các cơ sở sản xuất thuốc trong cả nước đáp ứng được 80% giá trị tiền thuốc vào năm 2020;

- Hệ thống lưu thông phân phối, bán lẻ và hệ thống kho tồn trữ, bảo quản thuốc trên địa bàn toàn tỉnh được hiện đại hoá, triển khai áp dụng đồng bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn GSP, GDP, GPP để tham gia vào quá trình quản lý toàn diện chất lượng thuốc từ khâu nguyên liệu đầu vào - sản xuất - tồn trữ- lưu thông phân phối - người tiêu dùng; đồng thời đảm bảo đủ năng lực cung ứng thuốc thường xuyên đủ, kịp thời, có chất lượng đến người dân, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng và yêu cầu ngày càng cao về CSBVSKND trên địa bàn tỉnh trong tình hình xã hội mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Kiến nghị:

2.1. Chính phủ, Bộ giáo dục & Đào tạo, Bộ Y tế:

- Tạo điều kiện giúp Tỉnh Phú Thọ trong việc nâng cấp Trường Cao đẳng dược Phú Thọ lên Trường đại học dược;

- Thành lập Chi cục Quản lý Dược ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm tăng cường hiệu lực, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác QLNN về dược ở địa phương;

- Ban hành sửa đổi qui chế Quản lý thuốc gây nghiện, qui chế quản lý thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc để đảm bảo phù hợp với Luật Dược và đảm bảo tính đồng bộ, tính thống nhất với các qui chế chuyên môn liên quan đã ban hành, sửa đổi theo Luật Dược;

- Có cơ chế chính sách khuyến khích sự phát triển đối với các doanh nghiệp sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP, các DNKD thuốc đạt tiêu chuẩn GDP và các cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn GPP;

- Cho phép Dược sỹ cao đẳng dược mở Quầy thuốc ở địa bàn nội thị thành phố, thị xã của các tỉnh (trừ thành phố trực thuộc Trung ương) vì số lượng DSDH để mở Nhà thuốc của các tỉnh không có nhiều.

2.2. Với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Xem xét, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động phát triển công nghiệp nuôi trồng chế biến dược liệu, sản xuất thuốc và kinh doanh cung ứng thuốc phục vụ nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, miền núi;

- Xem xét, ban hành chính sách thu hút và khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia sản xuất thuốc tân dược, thuốc đông dược và mạng lưới cung ứng thuốc và thực hiện nhiệm vụ công ích theo đúng quy định của Nhà nước;

- Xem xét, ưu tiên phân bổ nguồn ngân sách nhà nước cho các đơn vị y tế công lập trong việc triển khai áp dụng, nguyên tắc, tiêu chuẩn GSP, GPP;

- Xem xét, ban hành chính sách ưu đãi lãi xuất vốn vay cho các Trường đào tạo dược, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc, nuôi trồng dược liệu trong việc đầu tư nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị máy móc hiện đại, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ mới, triển khai áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP, GSP, GLP, GDP, GACP; đồng thời có chính sách miễn, giảm thuế cho các doanh nghiệp sau đầu tư một thời gian thích hợp nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp có điều kiện hoàn trả nguồn vốn vay;

- Xem xét, ban hành chính sách ưu tiên, ưu đãi trong việc cấp, cho thuê đất để xây dựng, phát triển các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc và xây dựng các cơ sở đào tạo cán bộ dược.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Hải (Đã ký)

Phụ lục

DỰ TOÁN TỔNG KINH PHÍ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH DƯỢC
TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2010- 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1433 /QĐ-UBND
ngày 25 /5/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính 1 tỷ đồng Việt Nam

STT	Đơn vị được đầu tư	Hạng mục đầu tư	Số lượng hạng mục	Kinh phí đảm bảo		Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Nguồn NSNN	Doanh nghiệp, cá nhân		
Giai đoạn từ năm 2010 - hết năm 2012							
01	Sở Y tế Phú Thọ	Điều tra cây thuốc, lập bản đồ cây thuốc. Qui hoạch, khoanh vùng đất	01	1,90		01/2012	
02	Trung tâm kiểm nghiệm	Các phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP	01	30,00		12/2011	
03	Các Bệnh viện Đ.khoa chuyên khoa tuyến tỉnh	Kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn GSP	07	22,00		01/2012	
04	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	Kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn GSP	01	4,00		01/2012	
05	Trường Cao đẳng dược Phú Thọ	Trường đại học dược Phú Thọ	01		600,00	01/2012	
06	Các DN kinh doanh LTPP thuốc	Cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn GDP	22		105,00	01/2011	08 DN & các chi nhánh trực thuộc
07	Các Nhà thuốc	Đạt tiêu chuẩn GPP	51		4,08	01/2011	
08	Các Quầy thuốc	Đạt tiêu chuẩn GPP	105		7,35	01/2012	
09	Sở Y tế Phú Thọ	Công tác quản lý, chỉ đạo, đào tạo cán bộ và chi khác		2,00		12/2012	
10	Các doanh nghiệp	Công tác quản lý, chỉ đạo, đào tạo và chi khác			3,00	12/2012	
Cộng kinh phí giai đoạn từ 2010 - hết 2012				59,90	719,43	12/2012	

Giai đoạn từ năm 2013 -hết năm 2015							
01	Sở Y tế	Triển khai nuôi trồng, phát triển cây thuốc quý theo qui hoạch, qui mô và vùng đã được xác định;	01	3,60		12/2015	
02	Doanh nghiệp dược	Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP-WHO	01		300,00	12/2015	
03	Các Trung tâm y tế thuộc hệ dự phòng tuyến huyện và tỉnh	Kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn GSP	17	42,50		12/2015	
04	Các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện	Kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn GSP	10	30,00		12/2013	
05	Các đại lý bán thuốc	Cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn GPP	648		45,36	01/2015	
06	Trạm y tế tuyến cơ sở	Tủ thuốc Trạm y tế cơ sở đạt tiêu chuẩn GPP	277	19,39		01/2015	
07	Sở Y tế Phú Thọ	Công tác quản lý, chỉ đạo, đào tạo cán bộ và chi khác		2,00		12/2015	
08	Các doanh nghiệp	Công tác quản lý, chỉ đạo, đào tạo và chi khác			3,00	12/2015	
Cộng kinh phí giai đoạn 2013 -2015				97,49	348,36	12/2015	
Tổng kinh phí Đề án phát triển ngành dược giai đoạn 2010 -2015				157,39	1.067,79	12/2015	

Ghi chú: Riêng kinh phí đào tạo nhân lực dược, được thực hiện theo Đề án “phát triển nhân lực y tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020” (ban hành theo QĐ số 1781/QĐ-UBND ngày 03/7/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 1545/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 02 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định về chế độ quản lý tài chính đối với
Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 597/TTr-TCĐN ngày 07/4/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ".

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hải (Đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH PHÚ THỌ
Ban hành kèm theo Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 02/6/2010
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này áp dụng cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh được ngân sách tỉnh cấp vốn điều lệ:

- Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn vốn và tự bù đắp chi phí quản lý. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí hoạt động của Quỹ trong 2 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động, từ năm thứ 3 trở đi kinh phí hoạt động của Quỹ được sử dụng từ nguồn thu lãi cho vay.

- Quỹ được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, phí và các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh là đơn vị hạch toán độc lập, được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải chi phí trong quá trình hoạt động; được phân phối chênh lệch thu, chi tài chính theo đúng các quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 5. Sở Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính. Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn lập, kiểm tra, phê duyệt quyết toán hoạt động thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ và báo cáo Sở Tài chính theo quy định.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Quy định về vốn vay tài sản

1. Vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh gồm:

- Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 05 tỷ đồng do Ngân sách tỉnh cấp. Khi có yêu cầu thay đổi mức vốn điều lệ, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh đề nghị UBND tỉnh xem xét, Quyết định;

- Bổ sung vốn điều lệ từ lãi thu được qua hoạt động cho vay;
- Các khoản đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã;
- Các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Vốn nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh, từ các tổ chức trong và ngoài nước để hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã;
- Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, liên minh hợp tác xã;
- Các khoản huy động khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã phải được sử dụng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn theo các mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động quy định tại Quyết định thành lập và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh.

3. Hàng năm Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh cần đổi nguồn vốn và nhu cầu cho hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã; thực hiện kế hoạch hoá các nguồn vốn hoạt động.

4. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

4.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh được hình thành từ các nguồn:

- Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ ban đầu;
- Khấu hao tài sản cố định;
- Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp tác khác.

4.2. Vốn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho các hoạt động của quỹ được tỉnh hỗ trợ ban đầu theo dự toán được quyết. Toàn bộ công tác đầu tư, mua sắm tài sản cố định của quỹ được thực hiện theo quy định như đối với công ty Nhà nước. Hàng năm Quỹ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh phải xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định trình Hội đồng quản lý quỹ xem xét, phê duyệt và thực hiện công tác đầu tư mua sắm trong phạm vi kế hoạch được duyệt.

5. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

5.1. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Thu hồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ;
- Thanh lý, nhượng bán tài sản.

5.2. Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành như đối với công ty Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản

(trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của quỹ khi chủ đầu tư không trả được nợ) được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của quỹ theo quy định như đối với công ty Nhà nước.

6. Đối với các trường hợp về tài sản, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

6.1. Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể hoặc cá nhân thì tập thể, cá nhân đó phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

6.2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo thợp đồng bảo hiểm;

6.3. Sau khi thực hiện các biện pháp nêu tại mục 6.1, 6.2 nêu trên, nếu không đủ thì phần còn thiếu được đưa vào chi phí của Quỹ.

7. Việc trích lập và sử dụng khấu hao tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp.

8. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh được quyền cho thuê trụ sở, tài sản thuộc thẩm quyền quản lý của Quỹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật.

9. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

10. Khi thanh lý tài sản, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh phải xác định giá trị tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật như đối với doanh nghiệp.

11. Chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được hạch toán và thu nhập của Quỹ. Trường hợp số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) thì phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 7. Quy hoạch về trích lập quỹ dự phòng rủi ro.

1. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất (xóa nợ gốc) do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (Thiên tai, hoả hoạn, động đất dịch bệnh...) phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay các dự án và được hạch toán vào chi phí nghiệp vụ của quỹ.

2. Mức trích lập Quỹ dự phòng rủi ro do Hội đồng quản lý quỹ quyết định hàng năm nhưng tối thiểu bằng 0,2% tính trên dư nợ cho vay hàng năm của Quỹ. Việc trích lập được thực hiện theo mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính.

3. Cuối năm, nếu không sử dụng hết Quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang Quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư của quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh báo cáo UBND tỉnh xem xét, Quyết định.

Điều 8. Thu, chi tài chính.

1. Thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh là toàn bộ các khoản thực thu trong năm, phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác của quỹ, bao gồm:

1.1. Thu nhập từ các hoạt động nghiệp vụ như: Thu lãi cho vay của các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh; thu phí từ hoạt động hỗ trợ; thu lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại; thu phí nhận ủy thác cho vay lại theo hợp đồng ủy thác; thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác.

1.2. Thu nhập từ hoạt động tài chính như: Thu lãi hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ; thu từ hoạt động cho thuê tài sản; thu từ dịch vụ tài chính.

1.3. Thu nhập từ hoạt động bất thường như: Các khoản thu phạt; thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán; thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của quỹ; thu nợ đã xóa nay thu hồi được và từ các khoản thu nhập bất thường khác.

2. Chi phí của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh là các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của quỹ, có hoá đơn chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật chưa có quy định, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Hội đồng quản lý quỹ phê duyệt, bao gồm:

2.1. Chi hoạt động nghiệp vụ:

- Chi phí huy động vốn;
- Chi phí dịch vụ thanh toán;
- Chi ủy thác;
- Chi trích lập Quỹ dự phòng rủi ro;
- Chi thuê tổ chức, chuyên gia thẩm định dự án; chi cộng tác viên;
- Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ.

2.2. Chi cho người lao động làm việc trực tiếp tại Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh:

- Chi lương, phụ cấp lương theo chế độ hiện hành như đối với công ty Nhà nước.
- Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định.
- Chi ăn ca: Mức chi hàng tháng cho mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân chức.
- Chi trang phục giao dịch (Mỗi năm 02 bộ hè thu, 02 năm một bộ comple đối với nam, áo dài đối với nữ); phương tiện bảo hộ lao động theo quy định.
- Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý quỹ, cán bộ làm việc bán chuyên trách; chi thuê chuyên gia.
- Chi khác theo quy định.

2.3. Chi phí quản lý, bao gồm:

- Chi khấu hao tài sản cố định;

- Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: Chi mua sắm công vụ lao động, vật tư văn phòng; chi cước bưu điện và truyền tin (bưu phí, truyền tin, điện báo, telex, fax, Y tế, vệ sinh cơ quan; chi xăng dầu vận chuyển phục vụ cán bộ đi công tác, chi công tác phí theo chế độ Nhà nước quy định; chi phí tuyên truyền, họp báo, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị, hội thảo; chi thanh tra, kiểm tra; chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; chi đoàn ra, đoàn vào theo chế độ Nhà nước Quy định.

- Trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo quy định của Nhà nước. Nếu quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc hàng năm không chi hết được phép chuyển số dư sang năm sau. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm tài chính thì toàn bộ phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ.

- Chi phí quản lý khác theo quy định.

2.4. Chi hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ;

- Chi phí cho thuê tài sản và các khoản chi hoạt động tài chính khác.

2.5. Các khoản chi bất thường, bao gồm:

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa;

- Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định;

- Chi bảo hiểm tài sản và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định;

- Chi chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản được hình thành từ vốn vay của quỹ;

- Chi hỗ trợ các hoạt động của Đảng, đoàn thể của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh theo Quy định của Nhà nước;

- Các khoản chi phí khác theo Quy định.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

- Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

- Các khoản chi hoạt do vi phạm hành chính, do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.

- Các khoản chi xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các khoản chi mua sắm, xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị tài sản phúc lợi;

4. Trong thời gian 5 năm đầu hoạt động, trường hợp các khoản thu của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh không đủ bù đắp chi phí, Hội đồng quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 9. Phân phối thu nhập và sử dụng các quỹ.

1. Phân phối thu nhập: Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm bằng thu nhập trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ được phân phối như sau:

1.1. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hiện hành, trừ các khoản thuế được miễn theo quy định tại Điều 2 quy định này.

1.2. Trừ các khoản tiền phạt, vi phạm kỷ luật thu nhập ngân sách, các khoản chi phí hợp lệ chưa được trừ.

1.3. Phần còn lại được trích lập các quỹ sau đây:

a) Trích 50% vào quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Mức trích 2 quỹ tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện.

c) Phần còn lại sau khi trích lập các quỹ nêu trên được trích lập quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ.

2. Mục đích sử dụng các quỹ.

2.1. Quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ: Dùng để bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh.

2.2. Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng để đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh.

2.3. Quỹ khen thưởng: Được sử dụng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ cho cán bộ viên chức của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh. Mức thưởng do Giám đốc quỹ quyết định trên cơ sở năng xuất lao động, thành tích của mỗi cán bộ, viên chức.

- Thưởng đột xuất cho những tập thể, cá nhân của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao. Mức thưởng do Giám đốc quỹ quyết định.

- Thưởng cho đơn vị, cá nhân ngoài Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh có quan hệ, đóng góp hiệu quả hoạt động của quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc quỹ.

2.4. Quỹ phúc lợi: Được sử dụng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị theo hợp đồng thỏa thuận.

- Chi cho hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi cộng đồng của tập thể cán bộ, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh.

- Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh.

- Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác.

Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh phối hợp với Ban chấp hành công đoàn của quỹ quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi chặt chẽ, hiệu quả.

Điều 10. Chế độ kế toán thống kê và kế hoạch tài chính.

1. Năm tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 của năm dương lịch.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh được vận dụng chế độ kế toán của ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện hạch toán, kế toán.

3. Hàng năm, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh có trách nhiệm lập và báo cáo UBND tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Tài chính các kế hoạch sau:

- Kế hoạch vốn hàng năm, bao gồm: Vốn điều lệ ngân sách Nhà nước cấp, vốn thu hồi nợ vay, vốn huy động khác.

- Kế hoạch sử dụng vốn, bao gồm: Kế hoạch cho vay các dự án đầu tư phát triển, sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, liên hợp tác xã và kế hoạch sử dụng vốn khác.

- Kế hoạch thu, chi tài chính kèm theo thuyết minh chi tiết về các mục thu, chi.

4. Định kỳ (6 tháng, năm) Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh lập và gửi báo cáo tài chính cho UBND tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Tài chính, cụ thể:

- Báo cáo 6 tháng được gửi chậm nhất vào ngày 31 tháng 7 của năm.

- Báo cáo quyết toán năm do Giám đốc quỹ phê duyệt gửi Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm sau.

5. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh chịu sự kiểm tra tài chính của Sở Tài chính, gồm: Kiểm tra báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán định kỳ hoặc đột xuất; kiểm tra chuyên đề theo từng yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hải (Đã ký)